

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **144/2023/HS-ST**
Ngày: 03-11-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh.

2/ Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bê Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 128/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/HSST-QĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh B** (Không có tên gọi khác); **S** ngày: 18/8/2000, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: **Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Cha tên **Nguyễn Văn T** (đã chết) và mẹ tên **Phan Thị L**, sinh năm 1974; Bị cáo có 01 người em sinh năm 2005; Bị cáo sống chung như vợ chồng với **Huỳnh Bích N**, sinh ngày 21/9/2004 (là bị hại trong vụ án); Bị cáo có 01 người con sinh ngày 11/01/2020; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2023 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: **Huỳnh Bích N**, sinh ngày 21/9/2004 (vắng mặt).

Nơi cư trú: **Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Phan Thị L** – sinh năm 1974. (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người làm chứng:* Huỳnh Thành Đ – sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 02/2019, bị cáo Nguyễn Thanh B và bị hại Huỳnh Bích N quen nhau qua mạng xã hội Facebook và có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau. Tháng 3/2019, N đến sống chung với bị cáo B tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tại đây, bị cáo B và N có quan hệ tình dục nhiều lần. Bà Phan Thị L (là mẹ ruột của bị cáo B), thấy N còn nhỏ nên bà can ngăn, không cho bị cáo B và N sống chung với nhau cho nên bị cáo B dẫn N đi thuê nhà trọ gần khu công nghiệp L thuộc huyện T, tỉnh Tiền Giang (không nhớ địa chỉ cụ thể) để được sống chung. Cả hai sống chung được khoảng 04 tháng thì N phát hiện có thai. Bị hại N trở lại nhà bị cáo B để sinh sống rồi sinh được 01 (một) bé gái vào ngày 11/01/2020. Đến khoảng tháng 02/2021, bị cáo B và N xảy ra mâu thuẫn nên N đưa con về nhà cha ruột là ông Huỳnh Thành Đ, tọa lạc tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang sinh sống cho đến nay.

Đến ngày 06/3/2023, N đến Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang đăng ký khai sinh cho con đặt tên là Huỳnh Ngọc Vân A.

Thông qua công tác tiếp nhận hồ sơ cấp giấy khai sinh và dữ liệu dân cư quốc gia, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang phát hiện tại thời điểm Ngọc sinh cháu Huỳnh Ngọc Vân A thì N chưa đủ 16 tuổi, có dấu hiệu của tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” nên có văn bản thông báo yêu cầu Công an xã Đ xác minh làm rõ. Sau đó Công an xã Đ chuyển tin báo về tội phạm đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

* Tại bản kết luận giám định số 2370/KL-KTHS ngày 27/4/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Huỳnh Ngọc Vân A là con ruột của Nguyễn Thanh B và Huỳnh Bích N.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã lo chi phí bồi dưỡng cho Huỳnh Bích N trong quá trình mang thai, sinh con. Từ tháng 03/2023 đến ngày bị bắt (ngày 27/6/2023) B đã hỗ trợ chi phí nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho N 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bị hại N không yêu cầu gì thêm.

Theo Cáo trạng số 133/CT-VKSCT ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh B tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

* **Tại phiên tòa:** Bị cáo B khai nhận, bị cáo và N quen biết nhau qua mạng xã hội nên bắt đầu từ tháng 3/2019 bị cáo và N đã nhiều lần quan hệ tình dục với nhau

tại nhà của mẹ bị cáo và tại nhà trọ (bị cáo không nhớ cụ thể địa chỉ nhà trọ), thời điểm bị cáo quen biết với N bị cáo biết N còn nhỏ tuổi. Khi bị cáo và N sống chung được 04 tháng thì N có thai nên bị cáo và N về nói hai bên gia đình, sau đó bị cáo và N sống ở nhà mẹ của bị cáo cho đến khi N sinh con. Sau khi N sinh con được 04 tháng thì bị cáo và N xảy ra mâu thuẫn nên N đã bế con đi về nhà cha của N ở. Khi bị cáo bị bắt thì mẹ của bị cáo đã bồi thường cho N số tiền 5.000.000 đồng và trước khi bị bắt bị cáo có cấp dưỡng nuôi con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L trình bày: Khi B dẫn N về nhà của bà ở, do thấy N và B đều còn nhỏ, không có công việc ổn định nên bà ngăn cản không cho B và N sống chung với nhau. Sau đó, B và N ra ngoài thuê nhà trọ ở, được 01 tháng thì B và N thông báo N có thai và trở về nhà của bà ở cho đến khi N sinh con được 04 tháng thì B và N xảy ra mâu thuẫn nên N đã bỏ đi. Sau khi B bị bắt thì bà đã thay B bồi thường cho N số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền này bà cho B nên bà không yêu cầu B trả lại cho bà.

Người làm chứng anh Huỳnh Thành Đ trình bày: Thời điểm N bỏ nhà đi và sống chung với B thì anh không biết. Đến khi N có thai thì B và N có nói với anh, do N đã có thai và N còn nhỏ nên hai bên gia đình chỉ gặp mặt, sau đó anh có xin cho N và B cùng làm việc ở chỗ anh làm. Khi con của B và N được 04 tháng tuổi thì Ngọc bế con về nhà anh và anh đã nuôi cháu cho đến nay. Nay anh xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh B và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo B từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, bà L đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và tại phiên tòa bà L không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm cải tạo để đi làm kiếm tiền nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai

của bị cáo phù hợp với biên bản ghi lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định quan hệ huyết thống giữa cháu **Huỳnh Ngọc Vân A** với bị cáo **Nguyễn Thanh B** và bị hại **Huỳnh Bích N**; cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 3/2019 đến tháng 02/2021, bị cáo **Nguyễn Thanh B** đã có hành vi giao cấu với bị hại **Huỳnh Bích N** – sinh ngày 21/9/2004 nhiều lần tại nhà tọa lạc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và tại nhà trọ thuộc địa bàn huyện T, tỉnh Tiền Giang (không rõ địa chỉ cụ thể) dẫn đến bị hại **N** mang thai, ngày 11/01/2020 Ngọc sinh ra một bé gái tên **Huỳnh Ngọc Vân A**. Tại thời điểm **B** thực hiện hành vi giao cấu với **N** đến lúc sinh con thì **N** đã hơn 13 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi. Hành vi phạm tội của bị cáo **B** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo **B** là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của bị hại và gây mất trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời bảo đảm ngăn ngừa phạm tội chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo **B** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo **B** đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và ăn năn hối cải, đã hỗ trợ chi phí nuôi con để khắc phục hậu quả, bị cáo có người thân là người có công với cách mạng, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã lo chi phí bồi dưỡng cho bị hại **N** trong quá trình mang thai, sinh con. Từ tháng 03/2023 đến ngày bị bắt (ngày 27/6/2023) bị cáo **B** đã hỗ trợ chi phí nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho **N** 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bị hại **N** không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và tại phiên tòa bà **L** không yêu cầu đối với số tiền bà đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo **B** là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo **B** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Hình phạt

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh B** phạm “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự;

- Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh B 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 27/6/2023.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **B** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị hại.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh